

ĐẶC KHU KINH TẾ THÂM QUYẾN TRUNG QUỐC

Những đột phá và phát triển (*)

TS. CÙ CHÍ LỢI

Viện Kinh tế Việt Nam

TS. HOÀNG THẾ ANH

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Mở đầu

Ở Trung Quốc, từ đầu những năm 1980, sau khi quyết định thực hiện chính sách cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc bắt đầu tìm một số khu vực để thử nghiệm chính sách cải cách mở cửa, rồi sau đó nhân rộng những chính sách đó ra cả nước. Năm 1979 và 1980 Trung Quốc đã bắt đầu xây dựng 4 đặc khu kinh tế ven biển vùng Đông Nam Trung Quốc. Với ý tưởng ban đầu là dựa vào ưu thế địa lý gần biển, gần với các khu vực kinh tế tự bản phát triển và nhân tố người Hoa để xây dựng đặc khu kinh tế, như đặc khu kinh tế Thâm Quyến có vị trí địa lý gần kề với Hồng Kông, đặc khu kinh tế Chu Hải gần với Ma Cao, đặc khu kinh tế Hạ Môn gần với Đài Loan và đặc khu kinh tế Sán Đầu là quê hương của nhiều Hoa kiều. Sau này, năm 1988 và năm 1990 Trung Quốc lần lượt thành lập đặc khu kinh tế

Hải Nam (tỉnh Hải Nam), Phố Đông (thuộc thành phố Thượng Hải).

Mục đích ban đầu của các đặc khu kinh tế này là chủ yếu thu hút vốn, kỹ thuật của nước ngoài, thúc đẩy xuất khẩu trong nước để thực hiện 4 hiện đại hoá ở Trung Quốc.⁽¹⁾ Các đặc khu này trước tiên thông qua các chính sách ưu đãi về đầu tư đối với các thương gia nước ngoài để xây dựng đặc khu trở thành cơ sở công nghiệp theo hướng xuất khẩu. Sau đó, áp dụng những chính sách ưu đãi này đối với các doanh nghiệp trong nước, thu hút các doanh nghiệp trong nước đến đầu tư xây dựng kinh tế ở các đặc khu, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước tiếp cận với kỹ thuật và phương thức quản lý của nước ngoài. Cho đến nay, trải qua 3 thập kỷ xây dựng và phát triển, có thể dù mô hình phát triển khác nhau, nhưng chính sách phát triển đặc khu kinh tế Trung Quốc

là hết sức thành công. Thâm Quyến là một trong những đặc khu kinh tế phát triển nhanh và điển hình nhất.

I. KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẶC KHU KINH TẾ THÂM QUYẾN

1. Những thành tựu hơn cả “thần kỳ”

Trải qua gần 3 thập kỷ, Thâm Quyến từ một làng chài lạc hậu đã biến thành một thành phố hiện đại công nghiệp với tổng diện tích toàn bộ thành phố là 1952,84 km², được chia thành 2 khu vực, khu vực được coi là đặc khu nằm trên diện tích 395,81 km² bao gồm 4 khu (tương đương với cấp quận) là khu Phúc Điền, La Hồ, Nam Sơn, Diêm Điền và 2 khu vực ngoài đặc khu là khu Bảo An và Long Cảng. Dân số thường trú toàn thành phố không ngừng tăng nhanh, năm 1979 dân số thường trú là 314.100 người, đến năm 2005 là 8.277.500 người, bình quân mỗi năm tăng trưởng 13,4%. Dân số hộ khẩu tăng từ 312.600 người năm 1979 lên đến 1.819.300 người năm 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 7,0%. Dân số ngoài hộ khẩu tăng từ 1500 người năm 1979 lên đến 6.458.200 người năm 2005, tốc độ tăng trưởng 38,0%. Mật độ dân số năm 2005 là 4239 người/km²(²). Qua kết cấu dân số trên đây có thể thấy rằng dân số ở Thâm Quyến chủ yếu là người từ nơi khác đến làm ăn sinh sống.

GDP của thành phố từ 196,380 triệu NDT năm 1979 tăng lên đến gần 495,1 tỷ NDT, tốc độ tăng trưởng bình quân 27,8%/năm. Tổng giá trị sản nghiệp thứ nhất (ngành nông nghiệp) năm 1979 là 72,730 triệu NDT năm 1979 tăng lên

973,850 triệu NDT năm 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân 3,0%/năm. Tổng giá trị sản nghiệp thứ hai (ngành công nghiệp và xây dựng) từ 40,170 triệu NDT năm 1979 tăng lên đến khoảng 263,344 tỷ NDT năm 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân 37,1% /năm. Tổng giá trị sản nghiệp thứ ba (ngành dịch vụ) tăng từ 83,480 triệu NDT tăng lên đến khoảng 230,773 tỷ NDT năm 2005, tốc độ tăng trưởng 27,7%. GDP bình quân đầu người tăng từ 606 NDT năm 1979 lên đến 60.801 NDT năm 2005(³).

Tỷ lệ phần trăm trong tổng GDP của ngành nông nghiệp; công nghiệp và xây dựng; ngành dịch vụ chuyển từ ngành nông nghiệp và dịch vụ là chủ yếu sang công nghiệp, dịch vụ là chủ yếu, tỷ lệ ngành xây dựng và nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất ít. Năm 1979 ngành nông nghiệp chiếm 37%, ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 20,5% (công nghiệp 11,8%, xây dựng 8,7%), ngành dịch vụ chiếm 42,5% trong tổng GDP cho đến năm 2005 thì cơ cấu ngành chuyển thành nông nghiệp chiếm 0,2%, công nghiệp và xây dựng chiếm 53,2% (công nghiệp 50,2%, xây dựng 3,0%), ngành dịch vụ chiếm 46,6% trong tổng GDP(⁴).

Về thu hút vốn nước ngoài, năm 1979 Thâm Quyến thực tế thu hút được 15,37 triệu USD, trong đó 5,48 triệu USD là vốn đầu tư trực tiếp (dạng góp vốn kinh doanh là 1,92 triệu USD, hợp tác kinh doanh là 3,56 triệu USD), các hình thức khác là 9,89 triệu USD. Đến năm 2005, Thâm Quyến thực tế thu hút được gần 4,047 tỷ USD, gấp khoảng 263,31 lần so với năm 1979, trong đó vốn đầu tư trực tiếp gần 2,968 tỷ USD (vốn đầu tư theo

dạng kinh doanh góp vốn là 508,07 triệu USD, kinh doanh hợp tác là 82,99 triệu USD, 100% vốn nước ngoài là gần 2,309 tỷ USD) và các dạng đầu tư khác là gần 1,048 tỷ USD⁽⁵⁾.

Về xuất nhập khẩu, năm 1979 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Thâm Quyến là 16,76 triệu USD, xuất siêu 1,84 triệu USD, năm 2005 là gần 183 tỉ USD gấp khoảng 10.907,93 lần so với năm 1979 và mức xuất siêu năm 2005 là gần 20,2 tỉ USD gấp khoảng 10.988 lần so với năm 1979⁽⁶⁾.

2. Hai giai đoạn, hai tiến trình công nghiệp hoá

Tiến trình phát triển kinh tế xã hội của Thâm Quyến đã trải qua hai giai đoạn. Giai đoạn 1 bắt đầu từ khi thành lập cho đến đầu những năm 1990 và giai đoạn hai là từ đầu những năm 1990 trở lại đây. Nhìn chung cả hai giai đoạn đều có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, và đều hướng về xuất khẩu, nhưng bản chất, hai giai đoạn có những nhân tố thúc đẩy phát triển khác nhau.

- Trước 1990

Trước năm 1990, mô hình phát triển của Thâm Quyến là dựa vào các ngành công nghiệp truyền thống. Giai đoạn này Thâm Quyến đã khá thành công trong việc tận dụng cơ hội của tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Hồng Kông. Vào trước năm 1990, nền kinh tế Hồng Kông là nền kinh tế dựa vào các ngành công nghiệp truyền thống sử dụng nhiều lao động như dệt may, giày da, ... Các ngành công nghiệp này phát triển mạnh do Hồng Kông có điều kiện tiếp cận vào thị trường Mỹ và EU. Nhưng vào cuối những năm 1980 và đầu 1990, nền kinh

tế Hồng Kông bước vào tiến trình cấu trúc lại, một mặt do những khó khăn về cung ứng nguồn lao động và mặt khác, cuộc cách mạng khoa học, đặc biệt là sự bùng nổ công nghệ thông tin làm thay đổi khuynh hướng tiêu dùng toàn cầu. Với xu thế này, các nhà đầu tư Hồng Kông bắt đầu chuyển dần sang các ngành công nghệ kỹ thuật cao và ngành dịch vụ. Để thực hiện tiến trình này, các nhà đầu tư Hồng Kông cần phải chuyển giao các công nghệ cũ. Thâm Quyến với chính sách mở cửa, nguồn nhân lực dồi dào, sự tương đồng về văn hoá và gần gũi về mặt địa lý đã trở thành địa bàn lý tưởng trong việc chuyển giao công nghệ cũ. Khoảng trên 90% tổng đầu tư nước ngoài vào Thâm Quyến trong giai đoạn này bắt nguồn từ Hồng Kông và chủ yếu là ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt may, giày da, ... Hầu hết sản phẩm của các ngành công nghệ truyền thống này của Thâm Quyến được chuyển đến các thị trường nước ngoài như Mỹ và EU qua Hồng Kông. Mô hình phát triển chủ yếu của Thâm Quyến trong giai đoạn này là “Thâm Quyến là công xưởng, Hồng Kông là cửa hàng”. Đầu tư nước ngoài tăng mạnh và xuất khẩu cũng gia tăng một cách tương xứng, là bước khởi động quan trọng cho một giai đoạn bùng nổ về sau.

- Sau 1990

Nếu trong những năm 1980, sự phát triển của Thâm Quyến chủ yếu dựa vào các ngành công nghiệp truyền thống thì trong giai đoạn sau 1990, lại dựa chính vào các ngành công nghệ kỹ thuật cao. Thực tế cho thấy chính quyền Thâm Quyến đã khá nhạy bén thay đổi chiến lược phát triển hướng mạnh vào các

ngành công nghệ cao (xin xem chi tiết ở phần dưới). Các ngành công nghiệp sử dụng kỹ thuật cao mà Thâm Quyển khuyến khích phát triển bao gồm máy tính, vi mạch, phần mềm, sinh học, vật liệu mới,... Các ngành công nghệ kỹ thuật cao, về bản chất là các ngành có hàm lượng giá trị gia tăng cao và khác phục được quy luật lợi suất giảm dần của việc phát triển chỉ gia tăng yếu tố đầu vào và chính điều này đã đảm bảo cho Thâm Quyển duy trì được tốc độ phát triển kinh tế cao trong một thời gian dài. Theo Wang (2004), sau 10 năm khuyến khích các ngành công nghệ kỹ thuật cao, các khu công nghệ cao của Thâm Quyển đã hình thành rất nhiều các cụm công nghệ như máy tính và linh kiện, các thiết bị viễn thông và các thiết bị vi xử lý, các vi mạch điện tử, các thiết bị nghe nhìn, công nghệ sinh học. Đến năm 2001, khoảng 205 công ty kỹ thuật cao và 500 công ty hàng đầu trên thế giới đều có mặt tại Thâm Quyển. Điều này chứng tỏ Thâm Quyển đã rất thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Cũng theo Wang (2004), đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 57% tổng đầu tư vào ngành công nghệ kỹ thuật cao ở Thâm Quyển và các ngành công nghệ kỹ thuật cao đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của Thâm Quyển. Trong giai đoạn 1991-2000, tốc độ phát triển của các ngành công nghệ kỹ thuật cao trung bình là 53% năm. Vào năm 2000, các giá trị sản lượng của các ngành công nghệ kỹ thuật cao đã tăng khoảng 46,6 lần so với 1991, và chiếm khoảng 45,9 tổng giá trị sản xuất công nghiệp của Thâm Quyển. Tỷ lệ này biến Thâm Quyển thành thành phố đứng đầu về

phát triển công nghệ kỹ thuật cao của Trung Quốc. Hiện nay, Thâm Quyển là nơi sản xuất 40% điện thoại di động; 45% máy photocopy; 60% các loại đồng hồ; 80% các sản phẩm của ngành công nghiệp viễn thông của Trung Quốc, là trung tâm hàng đầu về sản xuất TV, và phần mềm⁽⁷⁾.

Có thể nói, việc chuyển hướng quyết tâm thúc đẩy phát triển các ngành công nghệ kỹ thuật cao là một quyết định rất táo bạo bảo đảm cho Thâm Quyển có một sự phát triển mạnh mẽ, bền vững, tốc độ cao và đã biến Thâm Quyển thành một trong những thành phố phát triển bậc nhất ở Trung Quốc. Năm 2006, theo báo cáo công tác chính quyền Thâm Quyển ngày 21 - 3 - 2007 tại Hội nghị lần thứ 3 Đại hội đại biểu nhân dân thành phố lần thứ IV, thì Thâm Quyển là thành phố có chất lượng cuộc sống tốt nhất ở Trung Quốc, GDP bình quân đầu người đứng đầu các thành phố cỡ lớn và cỡ vừa ở Trung Quốc; đạt 8619 USD gấp khoảng 4,3 lần so với GDP bình quân đầu người của toàn Trung Quốc năm 2006 là 2.004 USD.

II. TIẾN TRÌNH MỞ CỬA VÀ CẢI CÁCH THỊ TRƯỜNG

1. Khởi động xây dựng đặc khu và những thách thức chính trị

Việc xây dựng đặc khu kinh tế Thâm Quyển được khởi động gần như song hành với tiến trình cải cách kinh tế theo định hướng thị trường ở Trung Quốc. Thật sự, tiến trình cải cách này là tiến trình “dò đá qua sông” và các nhà chính trị Trung Quốc cần có một “phòng thí nghiệm” áp dụng các phép thử cho tiến trình cải cách chung. Thâm Quyển được

chọn làm nơi thực hiện ý tưởng này. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng, việc xây dựng Thâm Quyến thành một đặc khu kinh tế mà ở đó cơ chế kinh tế thị trường được áp dụng một cách đầy đủ là một tiền lệ chưa từng có trong bối cảnh các quan điểm kinh tế xã hội chủ nghĩa truyền thống vẫn còn thống trị và trên thực tế đã gây ra nhiều tranh luận gay gắt. Tiến trình này đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhà cải cách hàng đầu Trung Quốc - Đặng Tiểu Bình:

“Thế giới hiện nay là thế giới mở cửa... kinh nghiệm hai ba mươi năm trước đây nói với chúng ta rằng, đóng kín cửa lại thì không thể xây dựng, không thể phát triển được.... Chúng ta phải phát triển nhanh một chút, nhanh quá thì sẽ không phù hợp với thực tế, nhưng phải nhanh một chút, làm sống động nền kinh tế bên trong, thực hiện chính sách mở cửa với bên ngoài”⁽⁸⁾.

Nhằm giải quyết những tranh cãi⁽⁹⁾ khi xây dựng đặc khu kinh tế, thực hiện chính sách cải cách mở cửa, Đặng Tiểu Bình đã 2 lần đến Thâm Quyến. Lần đầu tiên từ ngày 24 đến 26 - 1 - 1984, Đặng Tiểu Bình cùng Vương Chấn, Dương Thượng Côn thị sát Thâm Quyến và khẳng định: “Sự phát triển và kinh nghiệm của Thâm Quyến đã cho thấy rõ, chính sách xây dựng đặc khu kinh tế của chúng ta là chính xác”.

Lần thứ hai vào mùa xuân năm 1992, sau khi thị sát Thâm Quyến, Đặng Tiểu Bình một lần nữa khẳng định rằng: “Kinh nghiệm quan trọng của Thâm Quyến là dám xông lên, Thâm Quyến họ Xã (tức XHCN) chứ không phải họ Tư (tức TBCN)”.

Sự khẳng định này của nhà lãnh đạo cao nhất Trung Quốc đã xoá đi những tranh cãi về câu chuyện theo chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội ở đặc khu kinh tế Thâm Quyến.

Mô hình của Thâm Quyến tiếp tục được sự ủng hộ mạnh mẽ của các nhà lãnh đạo Trung Quốc thế hệ sau Đặng Tiểu Bình. Vào đầu những năm 1990, sau khi một số chính sách thành công của Thâm Quyến được nhân rộng và áp dụng rộng rãi ra cả nước, nhiều người bắt đầu tranh luận và cho rằng Thâm Quyến không còn là đặc khu nữa. Tuy nhiên, cơ chế đặc khu vẫn được áp dụng ở Thâm Quyến với sự ủng hộ mạnh mẽ của chính quyền Trung ương. Trong thời gian đầu những năm 1990, Giang Trạch Dân hầu như mỗi năm đều đến Thâm Quyến thị sát 1 lần, năm 1994 Giang Trạch Dân chỉ rõ:

“Tôi cho rằng cần thiết phải thay mặt Trung ương Đảng, Quốc vụ viện tuyên bố rằng: Quyết tâm của Trung ương đối với việc phát triển đặc khu kinh tế không thay đổi, chính sách cơ bản của Trung ương đối với đặc khu kinh tế không đổi, địa vị và vai trò của đặc khu kinh tế đối với cải cách và xây dựng hiện đại hoá trong cả nước không thay đổi. Phải làm cho việc phát triển kinh tế đặc khu xuyên suốt cả quá trình xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa, thực hiện hiện đại hoá đất nước bao lâu, thì đặc khu kinh tế phải làm bấy lâu...”

Qua những quyết tâm và những chính sách cởi mở của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, có thể nói rằng, Chính phủ Trung ương Trung Quốc nhất quán trong việc thúc đẩy đặc khu kinh tế phát triển, thực hiện đúng phương

châm cho một bộ phận giàu lên trước do Đặng Tiểu Bình khởi xướng. Đây có thể nói là một trong những nhân tố để Thâm Quyển có thể phát triển được như ngày nay.

2. Tiến trình mở cửa và cải cách thị trường

Câu hỏi đặt ra phải chăng Thâm Quyển là một mô hình đặc biệt, độc nhất vô nhị trên thế giới? Sự thật, Thâm Quyển không phải là mô hình quá đặc biệt thật sự mô hình cải cách thị trường triệt để kết hợp với sự năng động, hiệu quả của bộ máy quản lý. Cải cách thị trường triệt để có nghĩa là loại bỏ tất cả các rào cản trong đầu tư và kinh doanh; bộ máy quản lý hiệu quả có nghĩa là bộ máy biết khuyến khích, khai thác và định hướng phát triển vào những lĩnh vực mang lại hiệu quả tối ưu cho phát triển.

Bằng cơ chế phân quyền lập pháp, chính quyền Thâm Quyển đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật khuyến khích đầu tư trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Hầu hết các lĩnh vực kinh tế (trừ một số lĩnh vực nhạy cảm) đều được khuyến khích đầu tư, bao gồm cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Người ta có thể dễ nhận thấy đầu tư nước ngoài vào rất nhiều lĩnh vực dịch vụ (đây là lĩnh vực nhạy cảm thường bị hạn chế đầu tư ở nhiều nước), bao gồm các ngành, từ phân phối, bán buôn, bán lẻ cho đến những ngành có độ nhạy cảm cao như dịch vụ vận tải đường biển, cảng biển, cơ sở hạ tầng, kinh doanh bất động sản, Trong nhiều năm, đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực dịch vụ chiếm đến 30% và có năm lên đến 50% tổng đầu tư.

Trên thực tế, các nhà chính trị Trung Quốc thực hiện cơ chế đặc khu tại Thâm Quyển nhằm hai mục tiêu, một mặt thực hiện thí điểm các chính sách cải cách thị trường, mặt khác muốn biến Thâm Quyển là cửa ngõ thông thương với bên ngoài nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật hiện đại và tiếp cận thị trường thế giới. Chính vì vậy, ở Thâm Quyển, một mặt đầu tư nước ngoài được khuyến khích mạnh mẽ, mặt khác hàng loạt các ưu đãi đã được áp dụng nhằm khuyến khích xuất khẩu. Lúc đầu các ưu đãi đặc biệt được áp dụng chủ yếu trong ba khu chế xuất, nhưng sau này các ưu đãi cũng được áp dụng vào một số khu công nghiệp, đặc biệt là các khu công nghệ cao. Các biện pháp khuyến khích khá phổ biến trên thế giới như ưu đãi giá thuê đất, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT, miễn thuế trong khu chế xuất,...

Kinh tế Thâm Quyển là kinh tế mở, nhưng việc mở cửa có tính toán và hướng vào những lĩnh vực trọng tâm, có ưu tiên. Nhìn chung các lĩnh vực đều được khuyến khích đầu tư, nhưng tiến trình này là có tính toán, có chọn lọc nhằm thực hiện đi tắt đón đầu cho tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ưu đãi đầu tư lúc đầu chỉ đơn giản nhằm thu hút đầu tư về lượng, tức là thu hút đầu tư càng nhiều càng tốt vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, nhưng sau này việc thu hút đầu tư đã được tính toán và chọn lọc nhằm vào các hướng ưu tiên phát triển, đó là các ngành công nghệ kỹ thuật cao. Mặc dù chưa thể nói là kinh tế Thâm Quyển đạt trình độ tiên tiến như các quốc gia phát triển, nhưng với những ưu đãi đặc biệt cho các ngành

công nghệ cao, Thâm Quyến đã cất cánh và đang tiếp cận đến trình độ phát triển tiên tiến. Các ngành chế tạo sử dụng công nghệ kỹ thuật cao như điện thoại di động, máy tính, các ngành sử dụng công nghệ đặc biệt như sinh học, vật liệu mới có tốc độ phát triển mạnh nhất; và Thâm Quyến cũng đang hướng vào việc phát triển các ngành dịch vụ cao cấp như dịch vụ tài chính, ngân hàng.

III. NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ ĐỘT PHÁ CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN VÀO SỰ THÀNH CÔNG CỦA THÂM QUYẾN

1. Phân quyền lập pháp kinh tế

Lúc đầu Thâm Quyến chưa phải là một đặc khu đầy đủ. Vào những năm 1980 quy chế đặc khu của Thâm Quyến mới chỉ đơn giản là một nơi áp dụng một số các chính sách đặc biệt của chính quyền Trung ương Trung Quốc như ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, xuất nhập cảnh. Những ưu đãi đó là đáng kể, tuy nhiên, tiến trình cải cách và phát triển kinh tế của Thâm Quyến đòi hỏi phải có một cơ chế thông thoáng hơn, không chỉ giới hạn trong các biện pháp khuyến khích thương mại và đầu tư, mà còn phải cả các vấn đề về quản lý đất đai, phát triển hạ tầng, thu hút lao động, ... Điều này có nghĩa, Thâm Quyến cần được tự do hơn nữa, chủ động hơn nữa trong việc đưa ra các chính sách phát triển cũng như các chiến lược phát triển.

Với quan điểm là “phòng thí nghiệm”, sau chuyến thị sát Thâm Quyến lần thứ hai, tháng 2 - 1992, Đặng Tiểu Bình chỉ thị cho Thâm Quyến “tiếp tục giải phóng tư tưởng, mạnh dạn thử nghiệm, mạnh dạn xông pha”. Khi đó lãnh đạo Thâm

Quyến đã mạnh dạn đề xuất ý tưởng về quyền lập pháp của Thâm Quyến. Kết quả là ngày 1 tháng 7 năm 1992, Hội nghị lần thứ 26 Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá VII đã thông qua Quyết định trao quyền lập pháp cho Thâm Quyến.

“Dựa vào tình hình cụ thể, nhu cầu thực tế, tuân theo quy định của Hiến pháp và nguyên tắc cơ bản pháp quy, pháp quy hành chính trao cho Đại hội đại biểu nhân dân thành phố Thâm Quyến và Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân thành phố Thâm Quyến đặt ra pháp quy thực hiện ở đặc khu, báo cáo đề án trình lên Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Quốc vụ viện; trao cho chính phủ nhân dân thành phố Thâm Quyến đặt ra những quy tắc thực hiện tại đặc khu Thâm Quyến”.

Sự trao quyền lập pháp như trên hoàn toàn không có nghĩa là tạo mảnh đất cho phép Thâm Quyến “ly khai”, vì đơn giản đây là sự trao quyền chủ động về phát triển kinh tế, còn các vấn đề về chính trị, nhà nước, nhân sự vẫn thuộc quyền chi phối và quyết định của chính phủ Trung ương⁽¹⁰⁾. Nội dung thực sự của việc trao quyền lập pháp là việc cho phép chính quyền Thâm Quyến chủ động đưa ra những cơ chế, chính sách nếu các cơ chế, chính sách đó là cần thiết cho sự phát triển kinh tế – xã hội và phù hợp với khuôn khổ pháp quy chung. Trên thực tế chính quyền Thâm Quyến đã thực hiện nguyên tắc “*cần gấp thì lập pháp trước, thực hiện trước, thử nghiệm trước*”, điều này đã giải quyết được vấn đề lạc hậu về mặt luật pháp. Theo Wang,

cho đến 2001, Thâm Quyến đã ban hành khoảng 300 văn bản pháp luật, trong đó 70% là các văn bản liên quan về kinh tế và mở cửa thị trường. Bắt đầu từ năm 1993, Thâm Quyến lần lượt đặt ra và thực hiện Điều lệ công ty hữu hạn cổ phần, Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn, Điều lệ hợp tác, Điều lệ công ty 100% vốn nhà nước, Điều lệ doanh nghiệp phá sản. Những điều lệ này đã thử nghiệm trước về mặt lập pháp tạo tiền đề cho Trung Quốc đặt ra Luật Công ty. Tiếp theo những năm sau đó, Thâm Quyến đã đặt ra nhiều điều lệ khác, ví dụ như năm 1999 đặt ra Điều lệ Hiệp hội ngành nghề, đây là pháp quy mang tính địa phương về phương diện Hiệp hội ngành nghề đầu tiên trong cả nước. Điều lệ này ra đời đã thúc đẩy sự phát triển hiệp hội ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

Trên thực tế, với cơ chế trao quyền lập pháp kinh tế, Thâm Quyến đã tận dụng thành công thúc đẩy tiến trình cải cách kinh tế bằng việc thực hiện một loạt các chính sách theo nguyên tắc thị trường. Thâm Quyến là nơi đầu tiên áp dụng các chính sách đất đai theo nguyên tắc thị trường: Bán đất xây dựng cơ sở hạ tầng, đấu thầu đất đai, thực hiện chế độ cổ phần với các công ty nước ngoài trong xây dựng các công trình hạ tầng quan trọng. Chính quyền Thâm Quyến đã áp dụng các ưu đãi đặc biệt trong việc phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, xây dựng các cụm công nghệ cao, khuyến khích và ưu đãi đặc biệt đối với nguồn nhân lực có tay nghề.

2. Điều kiện địa lý và vai trò của Hoa kiều, Hồng Kông

Không thể không nói đến Hồng Kông có vai trò quyết định đối với sự đột phá của Thâm Quyến. Trên thực tế Hồng Kông đóng vai trò vô vùng quan trọng về nguồn lực cũng như những kiến thức về kinh tế thị trường cho tiến trình cải cách và phát triển của Thâm Quyến. Khi Trung Quốc xây dựng đặc khu kinh tế Thâm Quyến, Hồng Kông là nền kinh tế đã tương đối phát triển, do vậy mà Thâm Quyến có thể thu hút được vốn và kỹ thuật tiên tiến của Hồng Kông. Những năm đầu từ 1979 đến 1985, trong tổng số vốn nước ngoài của Thâm Quyến thu hút được, thì có 90% là vốn của Hồng Kông⁽¹¹⁾. Sự ra đời của đặc khu Thâm Quyến đúng vào lúc nền kinh tế của Hồng Kông đang bước vào giai đoạn chuyển dịch từ các ngành công nghiệp truyền thống sang các ngành công nghệ kỹ thuật cao. Với chính sách mở cửa kêu gọi đầu tư, với sự tương đồng về truyền thống và văn hoá, cùng với sự gần gũi về địa lý, Thâm Quyến đã trở thành địa bàn lý tưởng cho quá trình chuyển giao công nghệ của các thương gia Hồng Kông. Trong thời gian này, qua nhiều tài liệu cho thấy các nhà đầu tư Hồng Kông đã đầu tư khá nhiều vào Thâm Quyến và qua Hồng Kông, hàng hoá của Thâm Quyến đã được chuyển đến các thị trường lớn. Kể cả cho đến những năm gần đây, Hồng Kông, Ma Cao vẫn là nhà đầu tư lớn nhất vào Thâm Quyến. Theo số liệu niên giám thống kê Thâm Quyến năm 2006, thì lượng vốn đầu tư thực tế của Hồng Kông và Ma Cao vào Thâm Quyến vào năm 1986 chiếm 79% tổng

vốn đầu tư, năm 2000 là 62%, và năm 2003 là 63%. Về xuất nhập khẩu, Hồng Kông cũng là bạn hàng lớn nhất của Thâm Quyến, năm 2005 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Hồng Kông và Thâm Quyến là gần 47,363 tỷ USD, bạn hàng lớn thứ hai của Thâm Quyến là Mỹ với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu là gần 25,398 tỷ USD, bạn hàng lớn thứ ba là Nhật Bản với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu là khoảng 17,201 tỷ USD⁽¹²⁾.

3. Một số đột phá chính sách của chính quyền đặc khu Thâm Quyến

3.1. Đa dạng hoá nguồn lực và thị trường hoá trong phát triển hạ tầng

Có thể nói, với một xuất phát điểm rất thấp, trong vòng gần ba mươi năm, Thâm Quyến có một hệ thống hạ tầng hiện đại tương đương với một số thành phố phát triển của châu Âu là một thành công rực rỡ. Với hệ thống giao thông bao gồm đường cao tốc, tàu điện ngầm, cảng biển, sân bay hiện đại, đã góp phần vào sự phát triển thần kỳ của thành phố này. Điều đáng chú ý ở đây là khi đưa ra ý tưởng xây dựng Thâm Quyến thành một đặc khu kinh tế, Đặng Tiểu Bình tuyên bố rõ đặc khu Thâm Quyến phải tự mình đi lên và chính phủ Trung ương sẽ không hỗ trợ về tài chính⁽³⁾. Tuy nhiên bằng một loạt các chính sách năng động và linh hoạt, Thâm Quyến đã huy động được đầy đủ nguồn lực bao gồm tiền ngân sách, đầu tư nước ngoài. Sự năng động của Thâm Quyến có thể thấy ở một số điểm sau đây:

- Thâm Quyến chính là cái nôi thực hiện chính sách đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới⁽¹⁴⁾, trong những năm 1990 khoảng 80% ngân sách của chính quyền Thâm Quyến là có nguồn gốc từ bán và cho thuê đất công và đây là nguồn ngân sách chủ yếu để xây dựng hệ thống hạ tầng. Việc bán đất công với thời gian sử dụng từ 40 năm đến 70 năm lúc đầu được thực hiện theo phương thức mặc cả giữa chính quyền và người mua, nhưng do hiện tượng thông đồng và tham nhũng, sau này Thâm Quyến cũng như nhiều nơi khác của Trung Quốc tiến hành thông qua cơ chế đấu thầu. Chính chính sách bán đất xây dựng hạ tầng này đã được áp dụng ra một số thành phố khác của Trung Quốc.

- Chính quyền Thâm Quyến cũng đã chủ động vay tiền các ngân hàng thương mại xây dựng hệ thống hạ tầng. Việc đi vay ngân hàng thương mại cũng cần phải có thế chấp và chính quyền Thâm Quyến áp dụng việc dùng đất làm tài sản thế chấp để vay tiền các ngân hàng thương mại, số tiền vay này được bù lại bằng việc thu phí hạ tầng. “Chính quyền Thâm Quyến như một nhà kinh doanh, lúc đầu họ vay vốn ngân hàng hoặc họ bán quyền sử dụng đất quốc hữu cho các doanh nghiệp đến đầu tư, thu được tiền lại tái đầu tư vào xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, rồi lại bán hoặc cho các doanh nghiệp thuê quyền sử dụng đất.”⁽¹⁵⁾

- Một trong các chính sách đầy ấn tượng là áp dụng chính sách đóng góp cổ phần bằng đất đai của nông dân vào các dự án phát triển. Đất đai các khu công nghiệp được áp dụng cơ chế này, có

nghĩa là đất đai của người dân được biến thành cổ phần xây dựng các khu công nghiệp và như thế là người dân hoàn toàn tự nguyện tham gia, tránh được các khó khăn trong giải phóng mặt bằng. Việc xây dựng các khu công nghiệp cũng không gặp phải vấn đề khó khăn trong việc di dời dân, vì các hộ dân được giữ lại một phần mảnh đất của mình để sinh sống và kinh doanh ngay trong khu công nghiệp bằng cách mở các cửa hiệu, hoặc xây dựng các khu nhà trọ cho công nhân. “Thâm Quyến là nơi sớm (vào khoảng cuối những năm 1980) thực hiện việc biến đất thành cổ phần trong doanh nghiệp. Khi thu hồi đất xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy, cơ quan, công trình phúc lợi..., chính quyền đứng ra thương lượng với bà con giá đền bù đất nông nghiệp, lúc đầu thì trả bà con nông dân với giá rất thấp, nhưng sau này vào đầu những năm 1990, bắt đầu áp dụng theo cơ chế thị trường. Tiền đền bù đất bị thu hồi cao lên, chính quyền địa phương có thể trả một phần tiền đền bù, một phần tiền đền bù đất khác của bà con nông dân biến thành cổ phần của các công ty xây dựng trên mặt bằng đất đó, bà con nông dân cũng có thể nhận toàn bộ số tiền đền bù thu hồi đất một lần, thực ra có rất nhiều cách làm.”⁽¹⁶⁾

- Việc được phân quyền, chính sách tự chủ và năng động cũng đã giúp Thâm Quyến có được các công trình hạ tầng đặc biệt. Cũng vẫn là chế độ cổ phần, nhưng được áp dụng với các công ty nước ngoài xây dựng các công trình hạ tầng lớn như các cảng biển hoặc tàu điện ngầm. Cảng Diêm Điền là một ví dụ. Để xây dựng một cảng có tầm cỡ thế giới, chi phí cho việc đầu tư xây dựng phải tiêu

tồn hàng tỉ USD. Để giải quyết bài toán về vốn, chính quyền Thâm Quyến thực hiện chế độ huy động vốn dưới dạng cổ phần với các đối tác nước ngoài. Năm 1993, chế độ cổ phần xây dựng cảng Diêm Điền được ký kết với công ty của Lý Gia Thành - Hồng Kông với tổng vốn đầu tư là 2,4 tỉ đô la Hồng Kông, trong tổng số vốn này công ty của Lý Gia Thành - Hồng Kông chiếm giữ 73% và phần còn lại 27% là liên danh giữa một số công ty trong nước và chính quyền Thâm Quyến. Hoạt động của công ty liên doanh cảng theo đúng thông lệ quốc tế, tức là công ty Hồng Kông là người giữ cổ phần khống chế. Đây là sự khởi đầu cho việc mạnh dạn thử nghiệm xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển theo phương thức góp vốn giữa Trung Quốc và nước ngoài, hơn nữa do vốn nước ngoài khống chế cổ phần”. Việc cho phép các công ty nước ngoài đầu tư 100% vốn cho các công trình hạ tầng cũng được áp dụng vào một số công trình sử dụng nhiều vốn như các đường hầm xuyên núi Ngô Đồng nối liền cao tốc Đông - Tây Thâm Quyến, hoặc tuyến tàu điện cao tốc Quảng Châu - Thâm Quyến v.v...

Rõ ràng việc trao quyền và tính năng động của chính quyền Thâm Quyến đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ một trở ngại quan trọng trong tiến trình phát triển đó là việc xây dựng hệ thống hạ tầng cho phát triển.

3.2. Công nghiệp hoá hướng vào các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao - một thay đổi chiến lược

Trong những năm 1980, Thâm Quyến đã thu hút một lượng lớn các doanh nghiệp “tam lai nhất bổ”⁽¹⁷⁾ theo kiểu “lưỡng đầu tại ngoại”⁽¹⁸⁾, các doanh

ng nghiệp “ba vốn” (các doanh nghiệp góp vốn 3 bên) và các doanh nghiệp trong đặc khu lợi dụng chính sách ưu đãi của đặc khu xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, với các loại hình công nghiệp kiểu này ở Thâm Quyến dần hình thành hệ thống công nghiệp theo loại hình sử dụng nhiều sức lao động. Các doanh nghiệp này cũng đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Thâm Quyến trong thời kỳ từ 1980 – 1990, đây là thời kỳ tích lũy vốn để đặt nền móng cho giai đoạn cất cánh tiếp theo.

Thực ra nhiều khu vực khác, đặc khu khác của Trung Quốc có những bước khởi đầu giống Thâm Quyến, nhưng sự phát triển của các khu vực này đã không tạo nên sự bứt phá về sau, mà chỉ có Thâm Quyến đã duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Theo Wang (2004) điều này là do “Thâm Quyến đã không rơi vào cái bẫy sản xuất hàng hoá có giá trị gia tăng thấp”⁽¹⁹⁾.

Bước vào đầu những năm 1990, theo đà đi sâu cải cách, sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt, những nhà hoạch định chính sách của Thâm Quyến bắt đầu ý thức được rằng một thành phố, một khu vực, thậm chí một doanh nghiệp nếu chỉ mãi nguyện ở mức độ “sản xuất hàng hoá ven đường”, chỉ chú trọng vào việc thu hút vốn và kỹ thuật từ bên ngoài, không có sáng tạo thì sẽ khó cạnh tranh trên thị trường, không thể duy trì được phát triển kinh tế. Hơn nữa những chính sách ưu đãi của đặc khu kinh tế sẽ được áp dụng phổ biến ở các nơi khác trên đất Trung Quốc, các ưu thế về kinh tế cũng sẽ thay đổi⁽²⁰⁾.

Do sớm ý thức được điều này, vào cuối năm 1992, chính quyền Thâm Quyến

đã bắt đầu coi việc điều chỉnh kết cấu ngành, đặc biệt là phát triển ngành kỹ thuật cao. Từ đó về sau chính quyền Thâm Quyến lần lượt xác định chiến lược phát triển và mục tiêu phấn đấu “coi ngành kỹ thuật cao và mới là hàng đầu”, “xây dựng cơ sở sản xuất khai thác phát triển ngành kỹ thuật cao và mới”, làm cho việc sáng tạo khoa học kỹ thuật kết hợp với kinh tế, sản xuất, thúc đẩy phát triển ngành kỹ thuật cao và mới, đẩy mạnh việc nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Đây là một điểm vô cùng đáng lưu ý trong chiến lược phát triển của Thâm Quyến. Sự thật các ngành công nghiệp truyền thống có thể giải quyết được vấn đề việc làm nhưng cho phần giá trị gia tăng rất thấp. Nói một cách khác việc phát triển các ngành công nghệ truyền thống không bảo đảm được sự phát triển kinh tế với tốc độ cao, liên tục. Chính quyền Thâm Quyến trên thực tế đã rất quyết liệt trong việc chuyển hướng phát triển chiến lược vào các ngành công nghệ cao. Theo Wang (2004), vào năm 1994, chính quyền Thâm Quyến đã không thông qua một dự án “tam lai nhất bố” là dạng sản xuất ngành sử dụng nhiều lao động. Trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 1996-2000, đặc khu được thiết kế trở thành một thành phố ‘hiện đại’ dịch vụ và công nghệ kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp truyền thống được khuyến khích chuyển ra ngoài đặc khu. Với những khuyến khích đặc biệt, các ngành công nghiệp kỹ thuật cao ở Thâm Quyến đã có bước phát triển thần kỳ ở mức trung bình 53% năm từ 1990 đến 2001. Hàng loạt các ưu tiên đặc biệt đã được thực hiện để thu hút các nhà đầu tư sử dụng các công nghệ hiện đại

như các ngành: điện tử, vi mạch, tin học, máy móc kỹ thuật số, công nghệ sinh học, vật liệu mới. Bên cạnh các khu chế xuất, các khu công nghiệp, khu kỹ thuật cao được hình thành, các doanh nghiệp kỹ thuật cao đến đầu tư tại Thâm Quyển được hưởng ưu đãi đặc biệt về đất đai, về thuế, ... Nhà nước thành lập các quỹ khuyến khích các doanh nghiệp trong nước tham gia ngành công nghệ kỹ thuật cao và đặc biệt khuyến khích sinh viên học ở nước ngoài về làm việc, kinh doanh tại Thâm Quyển.

Cụ thể chính quyền Thâm Quyển đã thực hiện các biện pháp sau:

a. Xây dựng, củng cố và phát triển các cụm ngành nghề có ưu thế

Từ năm 1992, trọng điểm phát triển ngành công nghệ cao ở Thâm Quyển chủ yếu tập trung vào các mặt sau: *Thứ nhất*, mở rộng quy mô ngành thông tin điện tử, bám sát kỹ thuật điện tử và kỹ thuật mạng của thế giới, đẩy nhanh phát triển ngành thiết kế, chế tạo bảng mạch điện tử. Việc làm này đã thu được nhiều thành quả trong lĩnh vực sản xuất máy vi tính, ứng dụng phần mềm, thông tin, vi mạch điện tử, linh kiện điện tử v.v... *Thứ hai*, phát triển công nghệ sinh học, bào chế thuốc bằng công nghệ sinh học, các thiết bị y tế tiên tiến, đẩy mạnh việc sản xuất những nguyên liệu mới, những sản phẩm bảo vệ môi trường. *Ba là*, làm tốt việc xây dựng khu kỹ thuật cao và mới, khu đại công nghiệp Long Cương và vành đai những ngành nghề mang tính sinh thái kỹ thuật cao và mới ven biển phía đông, quy hoạch xây dựng 2 khu công nghiệp khoa học kỹ thuật cao.

b. Khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài,

doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào ngành khoa học kỹ thuật cao và mới

Để tạo ra môi trường đầu tư công bằng hợp lý cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào ngành khoa học kỹ thuật cao, chính quyền Thâm Quyển trong những năm 1990 đã đưa ra một số chính sách khuyến khích phát triển ngành khoa học kỹ thuật cao và mới. Những chính sách này không những khuyến khích đối với các doanh nghiệp quốc hữu, mà còn đối xử với các doanh nghiệp vốn nước ngoài như các doanh nghiệp quốc hữu. Ví dụ: Bắt đầu từ năm 1994 chính quyền Thâm Quyển mỗi năm đầu tư vào 3 dự án khoa học kỹ thuật gần 100 triệu NDT⁽²¹⁾. Số tiền này dùng vào việc cấp kinh phí cho các công ty lập dự án khoa học kỹ thuật cao và mới hoặc những công ty sản xuất sản phẩm thuộc danh mục khoa học kỹ thuật cao và mới, bất kể là doanh nghiệp quốc hữu, tư nhân hay nước ngoài đều có cơ hội để xin kinh phí từ 3 dự án khoa học kỹ thuật này. Mặc dù số tiền không nhiều, nhưng về danh tiếng, uy tín của các công ty được nâng cao một cách rõ rệt.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào ngành khoa học kỹ thuật cao và mới, ngoài việc được hưởng ưu đãi thông thường ra, còn được hưởng những ưu đãi riêng đối với ngành khoa học kỹ thuật cao và mới, như ưu đãi về thu hút nhân tài. Đối với các doanh nghiệp tư nhân, chính quyền Thâm Quyển đặt ra những chính sách riêng để khuyến khích sự phát triển khoa học kỹ thuật tư nhân, như “Quy định quản lý doanh nghiệp khoa học cao và mới tư nhân của đặc khu kinh tế Thâm Quyển”, thành lập đơn vị sự nghiệp chuyên môn phục vụ

doanh nghiệp khoa học kỹ thuật cao và mới tư nhân⁽²²⁾.

Một số ưu đãi phát triển ngành công nghệ kỹ thuật cao của Thâm Quyến

Ưu đãi đầu tư:

- 2 năm không phải đóng thuế thu nhập; giảm 50% thuế thu nhập cho 8 năm tiếp theo; các doanh nghiệp mới thành lập được giảm 50% tiền đất; các doanh nghiệp kỹ thuật cao sẽ được miễn thuế tài sản trong 5 năm, ...

Trợ cấp:

- Thành phố trợ cấp: 5 triệu NDT cho mỗi trung tâm nghiên cứu bằng tiền của Trung ương và 3 triệu NDT bằng tiền của thành phố; mỗi tiến sĩ được trợ cấp 50 ngàn NDT một năm khi làm việc ở các trung tâm nghiên cứu; thành phố có quỹ hỗ trợ xây dựng các trung tâm nghiên cứu cấp doanh nghiệp đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ một lần cho các trung tâm này (incubator). Trợ cấp 20% tổng đầu tư, nhưng không vượt quá 3 triệu NDT; xây dựng các trung tâm nghiên cứu ứng dụng (R & D) và các Trung tâm tiến sĩ (dotor workstation); có quỹ hỗ trợ sinh viên học ở nước ngoài thành lập doanh nghiệp;

Nguồn: <http://www.einvest.gov.cn>

c. Thông qua thị trường chứng khoán, thúc đẩy nâng cấp ngành nghề

Trong quá trình phát triển kỹ thuật cao và mới, Thâm Quyến đã thông qua thị trường chứng khoán để phân phối nguồn lực, tích cực trợ giúp nhiều doanh nghiệp kỹ thuật cao và mới phát hành cổ phiếu lên sàn giao dịch. Các công ty như Khang Gia Thâm Quyến, Khoa học kỹ thuật Thâm Quyến, Trung Hưng Thâm Quyến, Thiên Mã Thâm Quyến, Dược Hải Vương, sản xuất thuốc Tam Cửu đã hình thành nhóm cổ phiếu khoa học kỹ thuật cao của Thâm Quyến trên thị trường cổ phiếu. Ngoài ra, còn có nhiều công ty thuộc lĩnh vực ngành nghề truyền thống đã có cổ phiếu trên thị trường chứng khoán cũng đã áp dụng phương thức trao đổi quyền cổ phần trên thị trường chứng khoán để chuyển hướng sang ngành kỹ thuật cao và mới hoặc thông qua kỹ thuật cao và mới cải tạo, nâng cấp ngành nghề truyền thống. Ví dụ như: Công ty khoa học kỹ thuật Úc An, trọng điểm kinh doanh chuyển dần từ thương mại tổng hợp sang ngành

khoa học kỹ thuật cao thông tin điện tử, kỹ thuật số v.v...⁽²³⁾.

KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Thâm Quyến đã đạt được những thành tựu phát triển kinh tế xã hội kỳ diệu. Nền tảng căn bản của sự thành công là việc áp dụng các cơ chế kinh tế thị trường kết hợp với sự năng động, hiệu quả, nhạy bén của chính quyền, những điều kiện thuận lợi về địa lý và môi trường kinh doanh. Cải cách thị trường tạo điều kiện cho việc huy động đầy đủ các nguồn lực cho phát triển, sự nhạy bén và hiệu quả của chính quyền đã định hướng các nguồn lực vào khu vực mang lại hiệu quả cao nhất cho phát triển. Có thể tổng quát sự đột phá của Thâm Quyến thành công thức sau:

Phân quyền + Mở cửa kinh tế + Công nghệ cao + Các khu kinh tế đặc biệt (chế xuất, công nghệ cao) = SỰ ĐỘT PHÁ

Bài học của Thâm Quyến vừa có tính phổ biến chung và đồng thời cũng có tính chất phổ biến hạn chế. Tính phổ biến

chung của bài học Thâm Quyến chính là việc cần phải cải cách kinh tế một cách triệt để hơn và cho phép áp dụng một cách linh hoạt các công cụ kinh tế, các hình thức kinh tế trong việc huy động các nguồn lực cho phát triển. Tính phổ biến của Thâm Quyến cũng chính là việc cần thiết phải phân quyền (quản lý kinh tế) cho chính quyền địa phương trong việc khai thác và sử dụng các nguồn lực địa phương theo những hình thức phù hợp với điều kiện đặc thù của mỗi địa phương. Việc phân quyền (kinh tế) và đi liền với lợi ích kinh tế, sẽ tạo điều kiện cho các chính quyền địa phương hoạt động một cách năng động và hiệu quả hơn.

Tính phổ biến hạn chế của Thâm Quyến chính là ở khía cạnh tạo dựng một số địa bàn phát triển mang tính đột phá và mở đường. Về nguyên tắc, công nghiệp hoá định hướng công nghệ cao cần được khuyến khích trên diện rộng, nhưng trên bình diện quốc gia cũng nên tập trung cho một số khu vực mũi nhọn như Thâm Quyến mà ở đó không chỉ có nguồn lực địa phương mà cả các nguồn lực quốc gia (nhất là nguồn nhân lực) cần huy động để tạo nên sự bứt phá, mở đường. Nếu một quốc gia có được một vài khu vực bứt phá, dẫn đầu như Thâm Quyến, nền kinh tế của quốc gia đó đã có những đầu tàu cho sự phát triển.

Việt Nam cũng cần phải tạo nên một số đầu tàu cho sự phát triển theo dạng của Thâm Quyến tức là chuyển dần từ các ngành nghề truyền thống sang các ngành công nghệ cao bằng các nguồn vốn trong và ngoài nước. Từ bài học của Thâm Quyến và những điều kiện hiện

tại của Việt Nam, có thể tạm thời đưa ra một số điều kiện cho sự ra đời và phát triển của một số khu kinh tế tự do (đặc biệt) ở Việt Nam như sau:

1. Cần phải lựa chọn một số khu vực địa lý thuận lợi cho giao lưu trong nước và quốc tế, tức là phải nằm trên một cảng biển nào đó;

2. Phải có một đối tác chiến lược giúp xây dựng hạ tầng và kết nối với các công ty lớn ví dụ như Singapore, Nhật Bản v.v... Sự thực Việt Nam không có được đội ngũ Việt kiều mạnh mẽ như Hoa kiều nên việc lựa chọn một đối tác thương mại hỗ trợ phát triển là vô cùng cần thiết;

3. Bộ máy quản lý phải có thực quyền và chủ động điều hành tiến trình phát triển kinh tế;

4. Xây dựng các đặc khu kết hợp với việc mở cửa toàn diện. Thực hiện chiến lược ưu tiên đặc biệt vào việc phát triển các ngành công nghệ kỹ thuật cao và cũng hình thành một chuỗi các khu công nghệ cao gắn liền với khu bảo thuế. Việt Nam đã là thành viên của WTO, việc đưa ra những ưu đãi về thuế có thể khó thực hiện. Tuy nhiên việc thực hiện các nguyên tắc của WTO vẫn còn có một lộ trình, đặc biệt là đối với khu vực dịch vụ. Hơn nữa việc ban hành các ưu đãi theo ngành và đồng đều giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài là có thể chấp nhận được theo nguyên tắc của WTO;

5. Thực hiện một chiến lược marketing thực sự hấp dẫn; hình thành một bộ máy hành chính thật hiệu quả chủ yếu là đào tạo những cán bộ có đủ khả năng giao tiếp được với các nhà đầu tư bằng tiếng Anh.

CHÚ THÍCH

* Báo cáo kết quả khảo sát tại Thâm Quyến tháng 6-2007

1. Khẩu hiệu bốn hiện đại hoá được Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đưa ra vào năm 1964. Sau khi Đặng Tiểu Bình được khôi phục chức vụ năm 1977, ông đã thúc đẩy chương trình bốn hiện đại hoá, đó là hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp, khoa học công nghệ và quốc phòng (xem Tatsuyuki Ota, 2003, p.2).

2. Niên giám thống kê Thâm Quyến, Nhà xuất bản Thống kê Trung Quốc, 2006, tr. 25.

3. Niên giám thống kê Thâm Quyến, sdd, 2006, tr. 48.

4. Niên giám thống kê Thâm Quyến, sdd, 2006, tr. 49.

5. Niên giám thống kê Thâm Quyến, sdd, 2006, tr. 240.

6. Niên giám thống kê Thâm Quyến, sdd, 2006, tr. 240.

7. Phỏng vấn ông Lý Kiệt Tân.

8. Trung Kiên, “Nghiên cứu mô hình phát triển của các đặc khu trên thế giới”, Nhà xuất bản kinh tế Trung Quốc, Bắc Kinh, 2006, tr. 428.

9. Sau khi bắt đầu xây dựng đặc khu được mấy năm, một số nhà lãnh đạo lão thành của Trung Quốc đến thăm Thâm Quyến đã phải khóc vì cho rằng Thâm Quyến đi theo chủ nghĩa tư bản. Điều này gây cản trở không nhỏ đến việc xây dựng đặc khu (theo lời kể của ông Trương Khánh Chúc). Nhất là khi Thâm Quyến bán đất lần đầu tiên, đã bị chỉ trích giống như triều đình Mãn Thanh cắt nhượng tô giới, là hành vi bán nước. Khi Thâm Quyến thực hiện chế độ khoán, thưởng không giới hạn cho những công nhân viên làm việc tốt, thì cũng bị chỉ trích là bất công, ăn mòn lợi ích của giai cấp công nhân... (Ngô Tùng Doanh).

10. Phỏng vấn ông Lý Kiệt Tân.

11. Wong, Edy L, “Recent Developments in China’s Special Economic Zones: Problems and Prognosis”, The Developing Economies,

XXV – 1, March, 1987, tr. 63. (Bản dịch tiếng Trung Quốc).

12. Niên giám thống kê Thâm Quyến, Nhà xuất bản Thống kê Trung Quốc, 2006, tr. 248.

13. Tuy không có sự ủng hộ về tài chính, Thâm Quyến vẫn có được một số trợ giúp của Chính quyền trung ương vào giai đoạn đầu. Hơn 20 ngàn bộ đội đã tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, và các tỉnh của Trung Quốc đã được chỉ đạo xây dựng các đại diện và doanh nghiệp của mình tại Thâm Quyến (phỏng vấn ông Trương Khánh Chúc).

14. Land leasing and land sale as an infrastructure-financing option, World Bank Policy Research Working Paper 4043, November 2006.

15. Phỏng vấn ông Lý Kiệt Tân.

16. Phỏng vấn ông Trương Khánh Chúc.

17. Đó là các doanh nghiệp chuyên gia công: nguyên liệu đến gia công, linh kiện đến lắp đặt, mẫu đến sản xuất theo mẫu, bù đắp mậu dịch.

18. Nguyên liệu bên ngoài chuyển đến và tiêu thụ ở bên ngoài, các doanh nghiệp chỉ phụ trách khâu sản xuất.

19. Wang, Mark Yaoling và cộng sự, “Building nests to attract birds: China’s hi-tech zones and their impacts on transition from low-skill to high-value added process”. Proceedings of the 15th Annual Conference of the Association for Chinese Economics Studies Australia, 2004.

20. Bạch Thiên chủ biên, “Đi tới hiện đại hoá - Thâm Quyến thăm dò 20 năm”, Nhà xuất bản Hải Thiên, Thâm Quyến, 2000, tr. 214- 215.

21. Bạch Thiên chủ biên, 2000, sdd, tr.221.

22. Bạch Thiên chủ biên, 2000, sdd, tr.221-222.

23. Bạch Thiên chủ biên, 2000, sdd, tr. 212 - 214.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bạch Thiên chủ biên: *Đi tới hiện đại hoá - Thâm Quyến thăm dò 20 năm*, Nhà xuất bản Hải Thiên, Thâm Quyến, 2000.

2. “Bách thôn Thâm Quyến”, <http://book.sina.com.cn/nzt/his/chengshi/26.shtml>.

3. Chu Thiên Lân: *Cảng nổi tiếng trên thế giới trở dậy trong cải cách mở cửa – nói về sự phát triển của cảng bốc xếp hàng hoá quốc tế Diêm Điền*, http://www.tdctrade.com/ship/pers/vol26_1/vol26_1_chi11_04.htm.

4. Hà Thọ, Trần Thiên Hỷ: *Doanh nghiệp Thâm Quyến bỏ vốn ra xây dựng đường hầm Ngô Đồng, Chính phủ 7 lần đàm phán khó mua lại*, <http://business.sohu.com/20040824/n221701043.shtml>.

5. “Niên giám thống kê Thâm Quyến năm 2006”, Nhà xuất bản Thống kê Trung Quốc.

6. Ngô Tùng Doanh: *Quang vinh, khó khăn, xa xôi – con đường phát triển của đặc khu kinh tế Trung Quốc*, <http://www.cnwnc.com/20050826/ca1826632.htm>.

7. Tatsuyuki OTA, “The Role of Special Economic Zones in China’s Economic Development As Compare with Asian Export Processing Zones: 1979 – 1995”, Asia in Extensio, March 2003.

8. Trâu Bình Học, Kim Văn Kiệt: *Nhìn lại và triển vọng việc lập pháp của đặc khu kinh tế Thâm Quyến*, <http://www.xianfa.net/act/list.asp?unid=125>.

9. Trung Kiên: *Nghiên cứu mô hình phát triển của các đặc khu trên thế giới*, Nhà xuất bản kinh tế Trung Quốc, Bắc Kinh, 2006.

10. Trương Hữu Nghĩa, Lý Vĩ Hùng, *Tranh luận về đặc khu Thâm Quyến: quyền lập pháp của đặc khu còn bao nhiêu không gian?*, <http://npc.people.com.cn/GB/14957/53049/5814188.html>

11. Wang, Mark Yaolin, và cộng sự, “Building nests to attract birds: China’s hi-tech zones and their impacts on transition from low-skill to high-value added process”. Proceedings of the 15th Annual Conference

of the Association for Chinese Economics Studies Australia, 2004

12. Wong, Edy L, “Recent Developments in China’s Special Economic Zones: Problems and Prognosis”, The Developing Economies, XXV – 1, March, 1987. (Bản dịch tiếng Trung Quốc).



TƯ LIỆU PHÒNG VẤN

Ngày 21 tháng 6 năm 2007, phỏng vấn ông Trần Hồng Quân, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hữu hạn cổ phần Khoa học kỹ thuật cao Quảng Dương - Quảng Đông.

Ngày 22 tháng 6 năm 2007, phỏng vấn ông Ngô Đàm Ba, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hữu hạn cổ phần Khoa học kỹ thuật cao Quảng Dương - Quảng Đông; Ông Lý Giang Đào, Viện trưởng Viện KHXH thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông.

Ngày 25 tháng 6 năm 2007, phỏng vấn ông Lý Kiệt Tân, Sở trưởng Sở nghiên cứu kinh tế Viện KHXH thành phố Thâm Quyến.

Ngày 26 tháng 6 năm 2007, phỏng vấn ông Trung Kiên, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu đặc khu kinh tế Trung Quốc trường đại học Thâm Quyến; Ông Viêm Dịch Minh, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu đặc khu kinh tế Trung Quốc trường đại học Thâm Quyến; Ông Trương Định Chuẩn, Phó sở trưởng Sở nghiên cứu Chính trị Trung Quốc đương đại Đại học Thâm Quyến

Ngày 27 tháng 6 năm 2007, phỏng vấn ông Viêm Thừa Vĩnh, Giám đốc Phòng hoạt động Báo Thương mại Thâm Quyến thuộc Tập đoàn báo chí Thâm Quyến; Ông Trương Khánh Chúc, Phòng nghiên cứu chính sách thành phố Thâm Quyến.